

UBND TỈNH LÀO CAI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1363 /SKH-ĐKKD

Lào Cai, ngày 12 tháng 7 năm 2018

V/v hướng dẫn trình tự, thủ tục hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí nâng cao (tiêu chí 10.3) “Xã có ít nhất 01 HTX thành lập theo Luật HTX 2012 hoạt động hiệu quả”

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018 - 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục hướng dẫn về trình tự, thủ tục hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí nâng cao (tiêu chí 10.3) “Xã có ít nhất 01 HTX thành lập theo Luật HTX 2012 hoạt động hiệu quả” như sau:

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 năm 2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn đăng ký Hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của Hợp tác xã;
- Thông tư số 40/2014/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới;
- Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/1/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017 - 2020;
- Quyết định số 4758/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới tỉnh Lào Cai giai đoạn 2017 - 2020;

- Văn bản số 1345/BNN-VPĐP ngày 08/2/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020;

- Quyết định số 1715/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lào Cai giai đoạn 2018 - 2020.

- Văn bản số 517/SKH-ĐKKD ngày 16/3/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn về trình tự, thủ tục hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí 13.1 “Xã có ít nhất 01 HTX thành lập theo Luật HTX 2012”

2. Nội dung đánh giá, thẩm định:

a) Đối với xã nông thôn mới: nội dung đánh giá, thẩm định tiêu chí 13.1 “Xã có ít nhất 01 HTX thành lập theo Luật HTX 2012” thực hiện theo Văn bản số 517/SKH-ĐKKD ngày 16/3/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư

b) Đối với xã nông thôn mới nâng cao: nội dung đánh giá, thẩm định tiêu chí 10.3 “Có ít nhất 01 (một) HTX tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012 hoạt động hiệu quả” phải đảm bảo 2 điều kiện như sau:

- Hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã 2012 được đánh giá là “đạt” với **20/22 tiêu chí** được đánh giá là “**Đạt**”; trong đó các tiêu chí sau là bắt buộc phải đạt gồm: Tiêu chí 1, 2, 4, 7, 10, 13 và 22 (đánh hoạt động theo Luật HTX 2012 tại phụ lục đính kèm - Phụ lục số 1)

- Hợp tác xã được đánh giá, chấm điểm từ **70 điểm** trở lên gồm các nhóm tiêu chí (chấm điểm xếp loại HTX theo phụ lục đính kèm - Phụ lục số 2):

+ Nhóm I: Hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã

+ Nhóm II: Chấp hành tốt quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Nhóm III: Đạt mức độ hài lòng của các thành viên trong HTX.

3. Phương pháp, thủ tục, hồ sơ tiêu chí 10.3 như sau:

- Bước 1: Hội đồng quản trị (HĐQT) HTX chủ trì phối hợp với Ban kiểm soát tổ chức chấm điểm và tổng hợp kết quả vào bảng tự chấm điểm của HTX (theo Phụ lục số 2); đánh giá mức độ “đạt” hay “không đạt” về hoạt động theo Luật HTX năm 2012 theo phụ lục số 1

Đối với các phiếu đánh giá mức độ hài lòng của các thành viên, Ban kiểm soát chủ trì thông báo và phát phiếu đánh giá đến tất cả các thành viên (Phụ lục số 3), thu thập phiếu đánh giá, tiến hành rà soát đánh giá, phát hiện những phiếu đánh giá chưa đúng hoặc chưa đầy đủ để hướng dẫn thành viên đánh giá lại, thu thập phiếu đánh giá hợp lệ, tổng hợp, tính điểm đánh giá bình quân của thành viên, điểm đánh giá bình quân của thành viên bằng tổng điểm đánh giá của các phiếu hợp lệ chia cho số thành viên có phiếu đánh giá hợp lệ.

- Bước 2: HTX gửi bảng tự đánh giá, chấm điểm cho UBND huyện, thành phố (qua Phòng Tài chính - Kế hoạch)

- Bước 3: Phòng Tài chính - Kế hoạch đề nghị các phòng quản lý nhà nước về chuyên ngành thẩm định, xác nhận các nội dung: (1) quản lý, sử dụng đất và tài nguyên khác; (2) thực hiện quy định của pháp luật về thuế; kinh doanh có lãi; kết quả xác nhận về số liệu tài chính tài chính 02 năm gần nhất của cơ quan thuế; (3) ký kết và thực hiện hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Bước 4: Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp hồ sơ trình UBND huyện, thành phố; UBND huyện, thành phố kiểm tra và xem xét việc chấp nhận kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các HTX trên địa bàn, sau đó gửi kết quả đánh giá phân xếp loại cho các HTX; đồng thời lập tờ trình, tổng hợp thủ tục, hồ sơ, báo cáo kết quả đánh giá xếp loại gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan thẩm định tiêu chí số 13.1 và 10.3).

Sau khi được UBND huyện, thành phố chấp nhận kết quả đánh giá xếp loại, HĐQT HTX thông báo công khai kết quả cho các thành viên HTX.

- Bước 5: Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tổ chức thẩm định kết quả đánh giá phân xếp loại HTX gửi UBND tỉnh (qua Văn phòng điều phối Nông thôn mới tỉnh).

4. Rà soát, thẩm định và đánh giá tiêu chí nâng cao (tiêu chí 10.3) tại 35 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới:

Đề nghị UBND các huyện, thành phố trên cơ sở nội dung hướng dẫn này tiến hành rà soát, thẩm định và đánh giá lại tiêu chí 10.3 theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao (theo phụ lục số 02); tổng hợp báo cáo, đề xuất, kiến nghị, kèm theo phụ lục 02 cho từng HTX gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 18/7/2018** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo yêu cầu.

Trong quá trình triển khai thực hiện UBND các huyện, thành phố phản ánh kịp thời những vướng mắc, khó khăn, đề xuất, kiến nghị về Sở Kế hoạch và Đầu tư để điều chỉnh nội dung hướng dẫn và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền cấp trên.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Đc Nguyễn Thanh Dương - PCT
UBND tỉnh (B/c);
- Như trên;
- Sở NN&PTNT;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Văn phòng ĐP NTM tỉnh;
- GD, PGD Hải;
- Phòng TCKH các huyện, TP;
- Lưu VT, KTN, ĐKKD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Duy Hải

PHỤ LỤC SỐ 1

Đánh giá, thẩm định hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã 2012

(Kèm theo Văn bản số 565/SKH-ĐKKD ngày 12 tháng 7 năm 2018

của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai)



1. Tiêu chí chung:

- Tiêu chí 1: Hợp tác xã có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau.
- Tiêu chí 2: Quản lý và sử dụng con dấu theo đúng quy định của pháp luật.
- Tiêu chí 3: Tên hợp tác xã phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính.
- Tiêu chí 4: Được cấp mã số thuế
- Tiêu chí 5: Thực hiện quy định của pháp luật về tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, thống kê.
- Tiêu chí 6: Hoạt động đúng ngành, nghề đã đăng ký.
- Tiêu chí 7: Thực hiện hợp đồng dịch vụ giữa hợp tác xã với thành viên, liên hiệp hợp tác xã với hợp tác xã thành viên.
- Tiêu chí 8: Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.
- Tiêu chí 9: Quản lý, sử dụng đất và tài nguyên khác được Nhà nước giao hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật.
- Tiêu chí 10: Ký kết và thực hiện hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
- Tiêu chí 11: Đối với các HTX thành lập trước ngày 01/7/2013: đã đăng ký, tổ chức lại theo Luật HTX năm 2012; các HTX thành lập từ ngày 01/7/2013 thủ tục hồ sơ theo đúng quy định Luật HTX năm 2012.
- Tiêu chí 12: Có Hội đồng quản trị và ban kiểm soát hoạt động theo đúng quy định của điều lệ.
- Tiêu chí 13: Hợp tác xã không vi phạm pháp luật.
- **Tiêu chí 14: Kinh doanh có lãi liên tục trong 03 năm tài chính gần nhất; chấp hành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và số nộp thuế năm sau cao hơn năm trước trong 03 năm tài chính gần nhất.**
- Tiêu chí 15: Có quy mô thành viên lớn (từ 30 thành viên trở lên)

2. Tiêu chí riêng (HTX hoạt động đúng bản chất mô hình HTX)

- Tiêu chí 16: Mức vốn góp tối đa của thành viên không quá 20% vốn điều lệ.

- Tiêu chí 17: Thực hiện theo đúng quy định về tổ chức Đại hội thành viên.
- Tiêu chí 18: Các thành viên được thực hiện quyền bình đẳng, biểu quyết ngang nhau không phụ thuộc vốn góp.
- Tiêu chí 19: Quản lý và sử dụng theo đúng quy định về tài sản không chia của hợp tác bao gồm: Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất; Khoản trợ cấp, hỗ trợ không hoàn lại của Nhà nước; khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia; Phần trích lại từ quỹ đầu tư phát triển hằng năm được đại hội thành viên quyết định đưa vào tài sản không chia; Vốn, tài sản khác được Điều lệ quy định là tài sản không chia.
- Tiêu chí 20: Các thành viên có thực hiện cam kết theo hợp đồng dịch vụ và theo quy định của điều lệ.
- Tiêu chí 21: Thực hiện đúng tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm ra thị trường cho từng lĩnh vực, loại hình theo quy định của Chính phủ. Phần tỷ lệ cung ứng sản phẩm dịch vụ được quy định tại Điều 5 Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.
- Tiêu chí 22: Không có các công trình, dự án đầu tư không phục vụ lợi ích cho các thành viên.

Các HTX phải đạt **từ 20 tiêu chí trở lên** mới được đánh giá là **“Đạt”**; trong đó các tiêu chí sau là bắt buộc phải đạt gồm: Tiêu chí 1, 2, 4, 7, 10, 13, 14 và 22.

Khuyến khích xây dựng các HTX có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

PHỤ LỤC SỐ 2
BẢNG TỰ CHẤM ĐIỂM CỦA HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Văn bản số 123/SKH-ĐKKD ngày 12 tháng 7 năm 2018
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai)



Tên hợp tác xã:

Địa chỉ:

Phân loại theo lĩnh vực hoạt động:

Kết quả tự đánh giá của Hội đồng quản trị: Hợp tác xã đạt loại

TT	Tiêu chí và chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị	Thang điểm	Điểm HTX tự chấm	Diễn giải
1	Nhóm I. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của hợp tác xã Kết quả thực hiện kế hoạch/ phương án sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã		68		
-	Tỷ lệ doanh thu thực hiện/doanh thu kế hoạch	%	6		
-	Tổng doanh thu năm của hợp tác xã	Triệu đồng	8		
-	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (Lợi nhuận sau thuế x 100%/ doanh thu)	%	8		
-	Trích quỹ phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập	Có/không	5		
-	Trích quỹ dự phòng tài chính (Hoặc quỹ rủi ro) không thấp hơn 5% trên thu nhập	Có/không	5		
2	Lợi ích của thành viên hợp tác xã				
-	Ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên so với khách hàng không là thành viên	Có/không	7		
-	Ưu tiên phân phối thu nhập cho thành viên	Có/không	8		
3	Vốn chủ sở hữu				
-	Tỷ lệ tăng vốn chủ sở hữu hàng năm của các thành viên của hợp tác xã	%	7		

-	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	7		
4	Mức độ ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng				
	Quy mô hợp tác xã	Thành viên	7		
	Nhóm II. Chấp hành quy định của pháp luật		12		
5	Chấp hành pháp luật trong hoạt động của hợp tác xã				
	Không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi phạm trong hoạt động của hợp tác xã	Vi phạm/không	6		
6	Điểm thưởng				
	Hợp tác xã được khen thưởng trong năm	Có/không	6		
	Nhóm III. Độ hài lòng của thành viên		20		
7	Mức độ hài lòng của thành viên hợp tác xã				
	Mức độ hài lòng của thành viên hợp tác xã	Điểm	20		
	Tổng điểm		100		



Ghi chú : Tại cột diễn giải hợp tác xã ghi cụ thể nội dung và mức độ đạt điểm


PHỤ LỤC SỐ 4
TIÊU CHÍ VÀ CÁCH CHẤM ĐIỂM ĐÁNH GIÁ HỢP TÁC XÃ
(Kèm theo Văn bản số: /36/2018/QĐ-UBND ngày /2 tháng 7 năm 2018
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai)



Số TT	Tên tiêu chí	Chi tiêu đánh giá			Cách tính điểm
		Chi tiêu đánh giá	Đơn vị	Thang điểm	
1	Kết quả thực hiện kế hoạch/ phương án sản xuất kinh doanh trong năm của hợp tác xã	Tỷ lệ doanh thu thực hiện/ doanh thu theo kế hoạch	%	6	- Dưới 100%: 0 điểm
					- Từ 100% đến 120%: 3 điểm
					- Từ 120% trở lên: 6 điểm
		Tổng doanh thu năm của hợp tác xã	Triệu đồng	8	- Dưới 1 tỷ đồng/năm: 2 điểm
					- Từ 1 tỷ đồng đến dưới 3 tỷ đồng/năm: 3 điểm
					- Từ 3 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/năm: 5 điểm
		Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu (Lợi nhuận sau thuế x 100% / doanh thu)	%	8	- Từ 10 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng/năm: 7 điểm
					- Từ 50 tỷ đồng/năm trở lên: 8 điểm
					- Từ 0% trở xuống: 0 điểm
					- Từ trên 0% đến dưới 5%: 2 điểm
Trích quỹ phát triển không thấp hơn 20% trên thu nhập	Có/không	5	- Từ trên 5 % đến dưới 10 %: 4 điểm		
			- Từ trên 10 % đến dưới 30 %: 6 điểm		
			- Từ 30% trở lên: 8 điểm		
Trích quỹ dự phòng tài chính (hoặc quỹ rủi ro) không thấp	Có/không	5	- Không trích lập: 0 điểm		
			- Trích lập quỹ thấp hơn 20% trên thu nhập: 2 điểm		
					- Trích lập quỹ phát triển không thấp hơn 20% thu nhập: 5 điểm
					- Không trích lập hoặc trích lập quỹ thấp hơn 5% trên thu nhập: 0 điểm

		hơn 5% trên thu nhập				<ul style="list-style-type: none"> - Trích lập quỹ không thấp hơn 5% trên thu nhập: 5 điểm - Không ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên: 0 điểm - Có ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên: 7 điểm
		Ưu tiên giá dịch vụ cho thành viên so với khách hàng không thành viên				<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập còn lại không phân phối theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc theo công sức lao động đóng góp của thành viên: 0 điểm - Thu nhập còn lại phân phối cho thành viên dưới 50% theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc theo công sức lao động đóng góp của thành viên: 4 điểm
2	Lợi ích của thành viên hợp tác xã	Ưu tiên phân phối thu nhập cho thành viên	Có/không	8		<ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập còn lại phân phối cho thành viên từ 50% theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc theo công sức lao động đóng góp của thành viên: 8 điểm
3	Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ tăng vốn chủ sở hữu hàng năm của các thành viên của hợp tác xã	%	7		<ul style="list-style-type: none"> - Giảm vốn chủ sở hữu hoặc không tăng: 0 điểm - Dưới 10%: 3 điểm - Từ 10 đến 20%: 5 điểm - Từ 20% trở lên: 7 điểm
		Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	7		<ul style="list-style-type: none"> - Dưới 500 triệu đồng: 0 điểm - Từ 500 triệu đến dưới 1 tỷ đồng: 3 điểm - Từ 1 tỷ đến dưới 10 tỷ: 5 điểm - Từ 10 tỷ đồng trở lên: 7 điểm
4	Mức độ ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng	Quy mô thành viên hợp tác xã	Thành viên	7		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã dưới 30 thành viên: 2 điểm - Hợp tác xã có 30 thành viên đến dưới 100 thành viên: 3 điểm - Hợp tác xã có 100 thành viên đến dưới 500 thành viên: 5 điểm - Hợp tác xã có trên 500 thành viên: 7 điểm
	Nhóm II. Chấp hành quy định của pháp luật			12		
5	Chấp hành pháp luật trong hoạt	Không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt vi	Vi phạm/không	6		<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt: 0 điểm



	động của hợp tác xã	phạm trong hoạt động của hợp tác xã				<ul style="list-style-type: none"> - Hợp tác xã không bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử định: 6 điểm - Hợp tác xã không được khen thưởng trong năm : 0 điểm - Hợp tác xã không được cấp xã khen thưởng trong năm: 2 điểm - Hợp tác xã được khen thưởng cấp huyện trong năm: 4 điểm - Hợp tác xã được khen thưởng cấp tỉnh trở lên trong năm: 6 điểm
6	Điểm thưởng	Hợp tác xã được khen thưởng trong năm		6		
Nhóm III. Độ hài lòng của thành viên						
7	Mức độ hài lòng của thành viên hợp tác xã	Mức độ hài lòng của thành viên hợp tác xã	Điểm	20		Tổng hợp theo Phụ lục số 3, tính điểm đánh giá bình quân của thành viên, điểm đánh giá bình quân của thành viên bằng tổng điểm đánh giá của các phiếu hợp lệ chia cho số thành viên có phiếu đánh giá hợp lệ
	Tổng điểm			100		

PHỤ LỤC SỐ 3
PHIẾU ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA THÀNH VIÊN
ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Văn bản số: *1363* /SKH-ĐKKD ngày *12* tháng 7 năm 2018
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai)



Hợp tác xã:
Địa chỉ:
Tên thành viên:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Kết quả đánh giá:

TT	Chỉ tiêu	Điểm số					Nhận xét
		1	2	3	4	5	
1	Cung cấp thông tin của hợp tác xã cho các thành viên (thông tin phục vụ sản xuất kinh doanh của thành viên, thông tin về hoạt động của hợp tác xã)						
2	Chất lượng sản phẩm và dịch vụ của hợp tác xã cung ứng cho thành viên						
3	Tính kịp thời trong cung ứng sản phẩm và dịch vụ của hợp tác xã cho thành viên						
4	Điều hành của Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc						
	Tổng cộng điểm đánh giá (điểm tối đa 20 điểm) điểm					

..... ngày, tháng năm
Thành viên ký và viết rõ họ tên

Ghi chú: Các thành viên hợp tác xã căn cứ vào tình hình hoạt động của hợp tác xã đánh giá từng chỉ tiêu trong phiếu đánh giá theo mức độ hài lòng của thành viên đối với hợp tác xã bằng cách cho điểm vào cột điểm số tương ứng với số điểm tăng dần theo mức độ hài lòng (từ thấp nhất là 1 điểm đến cao nhất là 5 điểm) đối với từng chỉ tiêu đánh giá. Nếu có ý kiến đánh giá bổ sung thì ghi vào cột nhận xét.